TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27 – 5 – 2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Chiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thanh Xuân

2. Bà Trương Ngọc Điệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Huyền T - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2024/TL.ST-HNGĐ, ngày 15 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trà Thị Mộng H, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Vắng mặt

2. Bị đơn: Ông Lý Hoàng V, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp L, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Trà Thị Mộng H trình bày:

Trước đây, bà và ông Lý Hoàng V có quen biết, sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng vào năm 2017. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng ly thân từ tháng 07/2022 nên hôn nhân đã rơi vào tình trạng trầm trọng, không còn

hạnh phúc. Nhận thấy không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông V.

Về con chung: Có 03 con chung là cháu Lý Thị Ngọc A (nữ), sinh ngày 28/9/2006, cháu Lý Thị Ánh T1 (nữ), sinh ngày 22/12/2008 và cháu Lý Hoàng K (nam), sinh ngày 24/8/2014, hiện đang sống chung với bà. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung đến khi thành niên và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, ông Lý Hoàng V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên chưa ghi nhận được ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về quan hệ hôn nhân: Bà Trà Thị Mộng H được ly hôn với ông Lý Hoàng V; Về con chung: Giao cháu Lý Thị Ngọc A (nữ), sinh ngày 28/9/2006, cháu Lý Thị Ánh T1 (nữ), sinh ngày 22/12/2008 và cháu Lý Hoàng K (nam), sinh ngày 24/8/2014 cho bà H nuôi dưỡng đến khi thành niên, ông V chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Trà Thị Mộng H khởi kiện đối với ông Lý Hoàng V yêu cầu được ly hôn và nuôi con chung nên xác định là tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông V cư trú tại huyện C, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Lý Hoàng V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, bà Trà Thị Mộng H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Trà Thị Mộng H và ông Lý Hoàng V đã tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký

kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng vào năm 2017. Hôn nhân giữa bà H, ông V là tự nguyện, đảm bảo điều kiện kết hôn và không bị ép buộc, không thuộc trường hợp cấm kết hôn nên hôn nhân là hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà H cho rằng nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng ly thân từ tháng 07/2022 đến nay. Đối với ông V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để hòa giải đoàn tụ cho các bên nhưng vẫn không đến, thể hiện ông V không có thiện chí hàn gắn tình cảm với bà H. Đến thời điểm giải quyết vụ án các đương sự vẫn không có biện pháp nào giải quyết mâu thuẫn. Cho thấy, mâu thuẫn hôn nhân của các đương sự là trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông V.

[3.2] Xét yêu cầu nuôi con chung của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà H và ông V có 03 con chung là cháu Lý Thị Ngọc A (nữ), sinh ngày 28/9/2006, cháu Lý Thị Ánh T1 (nữ), sinh ngày 22/12/2008 và cháu Lý Hoàng K (nam), sinh ngày 24/8/2014, hiện đang sống chung với bà H. Các cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với bà H sau khi cha mẹ ly hôn. Hiện tại vẫn chưa ghi nhận được ý kiến của ông V về vấn đề con chung. Do đó, nhằm ổn định cuộc sống, điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng đối với các cháu nên giao các cháu cho bà H nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Bà H không yêu cầu cấp dưỡng nên ông V chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng. Ông V có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Theo bà H khai là không có, nhưng do chưa làm việc được với ông V nên chưa xác định được. Do đó, chưa xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Trà Thị Mộng H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Từ những tình tiết, căn cứ nêu trên, xét yêu cầu của bà H cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trà Thị Mộng H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trà Thị Mộng H được ly hôn với ông Lý Hoàng V. Giấy chứng nhận kết hôn số 07, ngày 25/01/2017 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông V, bà H không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Lý Thị Ngọc A (nữ), sinh ngày 28/9/2006, cháu Lý Thị Ánh T1 (nữ), sinh ngày 22/12/2008 và cháu Lý Hoàng K (nam), sinh ngày 24/8/2014 cho bà Trà Thị Mộng H nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Ông Lý Hoàng V chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Ông V có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chưa giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trà Thị Mộng H phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai số 0004352 ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm (bà H đã nộp xong).

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã Thuận Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mạc Thị Chiên